

Bảng 1.25 - CÁC CẦU HẠN CHẾ TẢI TRỌNG TRÊN QUỐC LỘ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ GTVT NINH BÌNH

(Kèm theo Quyết định số 3925/QĐ-TCĐBVN ngày 01 tháng 12 năm 2015 của Tổng cục ĐBVN)

ST T	Tên Q.Lộ	Tên cầu	Lý trình	Tỉnh	Chiều dài (m)	Tổng số nhịp	Bề rộng cầu (m)	Bề rộng xe chạy (m)	Tải trọng thiết kế	Tải trọng thực tế				Ghi chú
										11A	11B	11C	11D	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11A	11B	11C	11D	12
1	12B	Vĩnh Khương	Km7+050	Tam Điệp - Ninh Bình	21	3	8	6	H10	(*)			H10	
2	12B	Lập Cập	Km31+00	Nho Quan - Ninh Bình	14	1	9	8	H10	(*)			H10	
3	12B kéo dài	Kim Mỹ (bên phải)	Km34+240	Kim Sơn - Ninh Bình	36	3	7	6	H13	(*)			H13	Bên trái mới xây dựng cầu ghép liền cầu bên
4	12B kéo dài	Trắng	Km43+630	Kim Sơn - Ninh Bình	16	1	9	7	H10	(*)			H10	
5	38B	Cầu Ninh Hòa	Km127+072	Hoa Lư - Ninh Bình	20	3	9	7	H30-XB80			13		

Ghi chú:

1. Các cầu trên quốc lộ phạm vi Sở GTVT Ninh Bình quản lý không ghi trong bảng trên là các cầu không cấm biển tải trọng và đáp ứng tải trọng theo Thông tư của Bộ GTVT.
2. Trong tài liệu này không công bố các cầu đang xây dựng.
3. Các chỉ số tại Cột 11B gồm: Số hiệu thứ nhất giới hạn tổng tải trọng xe thân liền; Số hiệu thứ hai giới hạn tổng tải trọng xe đầu kéo kéo rơ mooc; Số hiệu thứ ba giới hạn tổng tải trọng xe thân liền kéo rơ mooc (tổng tải trọng bao gồm cả xe và hàng).
Ví dụ: Cột 11B có ghi : 23-29-32, nghĩa là xe thân liền được phép lưu thông với tổng tải trọng (cả xe và hàng) nhỏ hơn hoặc bằng 23 tấn; Xe đầu kéo kéo rơ mooc được lưu thông với tải trọng (cả xe và hàng) nhỏ hơn hoặc bằng 29 tấn và xe thân liền kéo rơ mooc được lưu thông với tổng tải trọng (cả xe và hàng) nhỏ hơn hoặc bằng 32 tấn.
4. Chỉ số ghi ở Cột 11C thể hiện tải trọng tối đa ghi trên Biển số 115 "Hạn chế trọng lượng xe" (Biển số theo Quy chuẩn số QCVN 41:2012/BGTVT. Ví dụ ở cột 11C có ghi số "17"- Nghĩa là cầu có cấm biển Hạn chế trọng lượng xe từ 17 tấn trở lên.
5. Cầu nào mà ở Cột 11A có ghi ký hiệu (*) là cầu đang chờ kiểm định, trước mắt tải trọng khai thác theo tải trọng thiết kế tại cột 11D